

Số: 1890/2021/QĐST-HNGĐ

TP.T, ngày 29 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, THÀNH PHỐ H**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1131/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1. Bà Hoàng Ngọc Lệ D, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: 61 Đường số 5, KĐT L, phường AP, thành phố T, Thành phố H.

2. Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 195B ĐBP, phường VTS, Quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự và người yêu cầu hiện cư trú tại thành phố T. Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Tấn H và bà Hoàng Ngọc Lệ D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông Nguyễn Tấn H và bà Hoàng Ngọc Lệ D yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn vì do sự khác biệt trong tính cách, bất đồng quan điểm sống, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông H và bà D đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy: Ông Nguyễn Tấn H và bà Hoàng Ngọc Lệ D tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 27, Quyền số 01/2005, do Ủy ban nhân dân Phường S, Quận B, Thành phố H cấp ngày 19/5/2005. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà D là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, ông H và bà D có nhiều khác biệt về quan điểm, lối sống, hai bên không thể chia sẻ và nhận thấy không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông H và bà D đã cố gắng hàn gắn để duy trì hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống, chăm lo cho con.

Xét mâu thuẫn giữa ông H và bà D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H và bà D là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét giữa ông Nguyễn Tấn H và bà Hoàng Ngọc Lệ D có 03 con chung tên: Nguyễn Chí Kh, sinh ngày 30/6/2006; Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 17/6/2008 và Nguyễn Khải N, sinh ngày 24/10/2013. Hai bên cùng thỏa thuận thống nhất giao 03 con chung cho bà D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận trên của ông H và bà D không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Hoàng Ngọc Lệ Dương tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn H và bà Hoàng Ngọc Lệ D thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 27, Quyền số 01/2005, do Ủy ban nhân dân Phường S, Quận B, Thành phố H cấp ngày 19/5/2005 sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Ông Nguyễn Tấn H và bà Hoàng Ngọc Lệ D có 03 con chung tên: Nguyễn Chí Kh, sinh ngày 30/6/2006; Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 17/6/2008 và Nguyễn Khải N, sinh ngày 24/10/2013. Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận giao 03 con chung cho bà Hoàng Ngọc Lệ D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Quyền và nghĩa vụ của bà D, ông H về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Tấn H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Hoàng Ngọc Lệ D tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà D đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0024061 ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố T;
- Ủy ban nhân dân Phường S, Quận B, Thành phố H.
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Dung